

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/3/2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Phạm Hồng Thiêm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1987; ĐKKH: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L và anh Đ đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bằng bản tự khai, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2010 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ sau khi chị L sinh cháu Đào Huyền T thì anh Đ thường xuyên đánh đập và đuổi chị L ra khỏi nhà. Anh chị ly thân từ cuối năm 2012, từ đó đến nay không có quan hệ tình cảm với nhau. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Đào Thắng L1, sinh ngày 08/7/2011 và cháu Đào Huyền T, sinh ngày 20/11/2012. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Đào Thắng L1 ở với anh Đào Văn Đ và cháu Đào Huyền T ở với chị L, ly hôn chị

đề nghị để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2020, bị đơn anh Đào Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn giống như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh ở thôn K, xã H được một thời gian đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã A sinh sống, từ năm 2012 đến nay anh chị sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không đón chị L về và cho rằng cuộc sống ly thân giữa hai vợ chồng như thế là bình thường.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị L trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con Đào Thắng L1 và để chị L nuôi con Đào Huyền T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 12/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, nơi anh chị đã từng chung sống, đại diện địa phương cung cấp:

Quá trình chung sống của chị L và anh Đ tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, có tình trạng đánh cãi nhau do vợ chồng chênh lệch tuổi tác, không cùng quan điểm sống. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh Đ, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con chung Đào Thắng L1, sinh ngày 08/7/2011 và chị L trực tiếp nuôi con chung Đào Huyền T, sinh ngày 20/11/2012, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh Đ đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn cũng đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm trong biên bản lấy lời khai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Đào Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/9/2010 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, có tình trạng đánh cãi nhau do vợ chồng chênh lệch tuổi tác, không cùng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2012 đến nay. Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định việc chị L và anh Đ xảy ra mâu thuẫn là có thật, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không đề nghị hòa giải vì xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ với nhau và cương quyết xin ly hôn; Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp để hàn gắn cuộc sống hôn nhân với chị L, anh không có ý định đón chị L về cùng chung sống và còn cho rằng cuộc sống ly thân giữa hai vợ chồng như thế là bình thường nên không đến Tòa án hòa giải để đoàn tụ với chị L. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nay chị L cương quyết xin được ly hôn anh Đ, cần xử cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh Đ có hai con chung là cháu Đào Thắng L1, sinh ngày 08/7/2011 và cháu Đào Huyền T, sinh ngày 20/11/2012. Cả chị L và anh Đ đều thống nhất quan điểm nếu ly hôn để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và cháu Đào Thắng L1 cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ, cháu Đào Huyền T cũng có nguyện vọng được ở với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, cần để chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Huyền T và anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thắng L1 để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tốt nhất về mọi mặt của các con chung. Điều này cũng phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chị L và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Đào Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Huyền T, sinh ngày 20/11/2012 và anh Đào Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Thắng L1, sinh ngày 08/7/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L và anh Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 0002073 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thái Thụy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh